

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
đã được soát xét

Được soát xét bởi:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	14 - 15
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	16 - 104

30501
CÔNG
TM
DỊCH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHÍA
- T.P

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Văn Hải	Thành Viên (đến ngày 20/06/2023)
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 20/06/2023)
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập (từ ngày 20/06/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (đến ngày 20/02/2023)
Khuông Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/05/2023)
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/04/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng	Trưởng ban
Lê Việt Anh	Trưởng ban (đến ngày 01/06/2022)
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Chí Trung	Thành viên
Phạm Văn Hùng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng
Ngô Trường Nam
Nguyễn Văn Hải

Khương Văn Cường

Nguyễn Quang Vĩnh
Hồ Đình Chung

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đến ngày 20/02/2023)
Tổng Giám đốc
(từ ngày 20/02/2023)
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đến ngày 01/06/2023)

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện
(từ ngày 01/03/2023)
Lê Việt Anh
(đến ngày 01/03/2023)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Khương Văn Cường



Số: 691./BCSX/TC/2023/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 24 tháng 08 năm 2023 từ trang 08 đến trang 104, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng giám đốc**



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.488.704.054.760	5.738.351.826.585
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01 1.475.541.809.566	1.227.308.649.543
111	Tiền	371.770.792.530	288.086.380.554
112	Các khoản tương đương tiền	1.103.771.017.036	939.222.268.989
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	291.898.284.388	72.830.731.676
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02 291.898.284.388	72.830.731.676
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.397.855.354.608	3.547.178.585.190
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03 508.354.128.953	760.407.290.841
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04 831.806.840.909	441.988.475.265
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05 1.132.021.012.784	1.312.047.644.366
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06 939.102.178.093	1.046.163.980.849
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.07 (13.428.806.131)	(13.428.806.131)
140	Hàng tồn kho	V.08 1.162.703.225.268	707.298.447.147
141	Hàng tồn kho	1.162.703.225.268	707.298.447.147
150	Tài sản ngắn hạn khác	160.705.380.930	183.735.413.029
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09 40.773.255.968	35.956.514.343
152	Thuế GTGT được khấu trừ	100.115.664.151	132.992.651.466
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17 19.816.460.811	14.786.247.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		37.289.341.183.310	36.042.370.198.930
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.126.359.880.561	1.087.734.194.212
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	202.549.501.641	200.877.103.117
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	817.419.079.416	781.409.816.498
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	106.391.299.504	105.447.274.597
220	Tài sản cố định		28.947.182.288.651	28.971.833.687.815
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	28.828.129.285.729	28.861.808.534.665
222	Nguyên giá		30.802.576.807.051	30.706.394.844.530
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.974.447.521.322)	(1.844.586.309.865)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	115.825.434.954	106.458.163.768
225	Nguyên giá		126.766.203.198	108.585.938.609
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.940.768.244)	(2.127.774.841)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	3.227.567.968	3.566.989.382
228	Nguyên giá		6.064.047.056	6.064.047.056
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.836.479.088)	(2.497.057.674)
230	Bất động sản đầu tư	V.13	170.926.095.172	172.932.295.252
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(25.837.498.842)	(23.831.298.762)
240	Tài sản dở dang dài hạn		50.039.102.736	34.012.889.897
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	50.039.102.736	34.012.889.897
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.213.431.739.278	804.640.090.522
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	1.017.648.279.278	763.140.090.522
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02	158.783.460.000	4.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	37.000.000.000	37.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		5.781.402.076.912	4.971.217.041.232
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.09	5.602.805.036.191	4.806.005.254.543
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.22	145.870.028.864	124.871.578.932
269	Lợi thế thương mại		32.727.011.857	40.340.207.757
270	TỔNG TÀI SẢN		43.778.045.238.070	41.780.722.025.515

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
300	NGUỒN VỐN	31.236.672.864.190	29.787.409.770.142
310	Nợ ngắn hạn	4.898.864.331.095	4.850.454.860.468
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15 1.193.642.361.695	1.139.328.235.148
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16 82.917.473.175	42.000.908.450
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17 63.707.031.878	106.263.390.302
314	Phải trả người lao động	38.312.787.526	51.345.555.163
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18 1.224.858.037.915	1.164.615.153.938
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19 12.462.998.954	2.479.172.849
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20 683.382.532.679	1.132.863.512.025
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21 1.589.948.300.613	1.207.369.765.610
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.632.806.660	4.189.166.983
330	Nợ dài hạn	26.337.808.533.095	24.936.954.909.674
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15 377.715.287.705	419.561.623.083
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16 2.459.430.067.470	1.066.357.761.812
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.18 3.492.667.643.962	3.000.701.307.033
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19 45.719.848.427	39.811.707.723
337	Phải trả dài hạn khác	V.20 83.561.490.052	83.896.748.994
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21 19.724.780.771.644	20.171.491.307.218
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.22 153.933.423.835	155.134.453.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.23	12.541.372.373.880	11.993.312.255.373
410	Vốn chủ sở hữu		9.268.564.061.078	8.720.503.942.571
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		(537.900.000)	(537.900.000)
414	Vốn khác của chủ sở hữu		45.871.223.229	-
418	Quỹ đầu tư phát triển		33.547.069.984	32.255.331.777
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		576.089.022.291	268.208.723.457
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		420.894.595.493	109.912.800.856
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này		155.194.426.798	158.295.922.601
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.402.867.136.732	4.209.850.278.495
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
440	TỔNG NGUỒN VỐN		43.778.045.238.070	41.780.722.025.515

TP.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày		
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.919.568.744.392	1.970.335.404.137
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.01	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.919.568.744.392	1.970.335.404.137
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	VI.02	1.273.575.486.533	1.333.423.779.886
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		645.993.257.859	636.911.624.251
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	131.487.956.470	99.016.414.242
22	Chi phí tài chính	VI.04	412.670.957.934	328.915.795.695
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		360.800.135.954	328.181.466.648
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		38.025.235.690	19.776.987.867
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	120.793.334.898	120.213.393.557
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		282.042.157.187	306.575.837.108
31	Thu nhập khác	VI.06	63.965.566.075	4.368.212.390
32	Chi phí khác	VI.07	4.168.618.491	549.658.167
40	Lợi nhuận khác		59.796.947.584	3.818.554.223
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		341.839.104.771	310.394.391.331
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.09	57.171.627.146	48.939.161.708
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	(22.249.262.360)	3.494.710.932
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		306.916.739.985	257.960.518.691

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	155.397.533.398	118.601.763.534
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	151.519.206.587	139.358.755.157
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	369
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	188

TP.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	341.839.104.771	310.394.391.331
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), bất động sản đầu tư, phân bổ lợi thế thương mại và lãi từ giao dịch mua giá rẻ	156.307.818.462	165.484.913.258
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(170.788.204.372)	(118.793.402.109)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	361.563.772.316	328.817.830.283
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	688.922.491.177	685.903.732.763
09	Giảm các khoản phải thu	647.368.403.444	158.853.954.164
10	Tăng hàng tồn kho	(724.660.960.994)	(171.663.759.285)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	1.095.095.906.097	(172.107.406.778)
12	Tăng chi phí trả trước	(7.077.875.647)	(15.687.010.959)
14	Tiền lãi vay đã trả	(616.360.233.919)	(394.235.199.011)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(98.664.481.328)	(89.771.877.456)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(215.759.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	984.623.248.830	1.076.674.238
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(301.098.037.113)	(249.855.001.341)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	18.488.493.035	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(352.671.796.271)	(2.203.404.074.924)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	311.424.500.000	1.073.234.631.431
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(390.983.460.000)	(7.300.000.000)
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	50.782.212.113	54.918.323.504
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(664.058.088.236)	(1.332.406.121.330)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	400.000.000	971.461.260.000
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	(8.600.000.000)	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	550.489.546.513	576.195.006.929
34	Chi trả nợ gốc vay	(601.204.701.439)	(615.506.895.117)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(13.416.845.645)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(72.332.000.571)	932.149.371.812
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	248.233.160.023	(399.180.075.280)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	1.227.308.649.543	1.839.864.757.011
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	1.475.541.809.566	1.440.684.681.731

TP.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);



3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tập đoàn có 3689 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 2952 nhân viên)

6 Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2023	01.01.2023	30.06.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	21,29%	34,82%	21,34%	34,91%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,23%	1,23%	1,23%	1,23%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	20,06%	33,59%	20,11%	33,68%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	85,95%	45,85%	90,20%	60,16%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,80%	38,21%	84,80%	38,21%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	1,15%	7,64%	5,40%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2023	01.01.2023	30.06.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10,05%	16,40%	50,00%	50,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	10,05%	16,40%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	6,73%	11,00%	31,60%	31,60%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	6,73%	11,00%	31,60%	31,60%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	36,21%	31,94%	36,21%	31,94%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	36,21%	31,94%	36,21%	31,94%
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	44,69%	0,00%	44,69%	0,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	44,69%	0,00%	44,69%	0,00%

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên công ty	Địa chỉ
Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Chi Nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, Xã Phước Hà, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Bình Thuận	Phía Đông, Xã Phan Dũng, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác

i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 3.293.503.510.000 VND

ii) Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình công ích;

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 78.000.000.000 VND

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

iii) Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kim loại quý và đá quý).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 1.129.130.000.000 VND

iv) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 250.000.000.000 VND

v) Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ bảo vệ; hoạt động dịch vụ bảo vệ cá nhân.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 7.900.000.000 VND

vi) Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 3 tháng.

Vốn góp thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2023 là: 274.186.000.000 VND

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

vii) Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000 VND
+ <i>Vốn tự có:</i>	1.749.864.583.000 VND
+ <i>Vốn khác:</i>	1.438.432.378.000 VND
+ <i>Vốn vay:</i>	13.375.708.235.000 VND
+ <i>Vốn Nhà nước hỗ trợ:</i>	5.048.002.979.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 10 tháng.

Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 10 tháng.

Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 10 tháng.

Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án và thời gian thu phí trạm An Dân kéo dài trong khoảng 31 năm 9 tháng. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 9 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 2.172.792.730.000 VND



6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

viii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 17 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/04/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay:	10.543.195.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/ suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 25 năm 2 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 1.597.847.400.000 VND

ix) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013. Giấy phép thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

ix) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND
+ *Vốn chủ sở hữu*: 339.447.800.000 VND
+ *Vốn vay*: 2.305.030.200.000 VND
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11.5%. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 8 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 305.000.000.000 VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

x) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 8.743.000.000.000 VND
+ *Vốn chủ sở hữu*: 1.749.000.000.000 VND
+ *Vốn vay*: 6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 176.000.000.000 VND

Tại ngày 30/06/2023 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

xi) Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316685416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 01 năm 2021. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 17 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.925.480.000.000 VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.030.000.000.000 VND
+ <i>Vốn vay:</i>	2.756.200.000.000 VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước:</i>	5.139.280.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Tại ngày 30/06/2023, Dự án đang trong giai đoạn xây dựng, dự kiến hoàn thành vào ngày 30/04/2024. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9.99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 17 năm.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 931.100.000.000 VND

xii) Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa, lắp đặt và bán hàng trong các ngành sản xuất, xây dựng, vận tải, lưu trú, ẩm thực, quảng cáo và giáo dục.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 246.148.320.000 VND



II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán

Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Tập đoàn phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Công ty liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

4 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng kỳ. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

5 Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

5 Nguyên tắc các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Tập đoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ tài sản cố định hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOTBT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Tập đoàn, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng kỳ phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (hệ số thu hồi vốn được tính bằng tổng mức đầu tư chia cho doanh thu hòa vốn theo hợp đồng BOT). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

9 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

11 Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

14 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

15 Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Tập đoàn sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

18 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

b) Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

21 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

21 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

22 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

23 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Tập đoàn gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Tập đoàn; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

25 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

26 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

27 Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 04 tháng 01 năm 2023, Công ty đã hoàn tất mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả ("O&M") với tổng giá trị 165.000.000.000 VND tương ứng 44,69% lợi ích vốn chủ sở hữu trong O&M. Tại thời điểm này O&M đang sở hữu 99,45% Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành ("Hà Thành"), đồng thời Hà Thành đang sở hữu 68,86% Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc ("NII"). Dựa vào số liệu của nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ O&M, Công ty con Hà Thành và Công ty con NII ("Nhóm O&M"), kết quả của nghiệp vụ này như sau:

Vốn chủ sở hữu Nhóm O&M	246.148.320.000
Lợi nhuận sau thuế Nhóm O&M	253.209.373.144
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty	44,69%
Giá trị tài sản thuần của Công ty trong Nhóm O&M	223.162.953.066
Giá phí khoản đầu tư	165.000.000.000
Lãi mua rẻ ghi nhận tại thời điểm đầu tư	(58.162.953.066)
Giá trị ghi sổ tại thời điểm đầu tư	223.162.953.066

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Tiền mặt	4.142.756.013	5.610.488.961
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	367.436.426.517	282.238.791.593
Tiền đang chuyển	191.610.000	237.100.000
Các khoản tương đương tiền	1.103.771.017.036	939.222.268.989
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.103.771.017.036</i>	<i>939.222.268.989</i>
Cộng	1.475.541.809.566	1.227.308.649.543

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	291.898.284.388	291.898.284.388	72.830.731.676	72.830.731.676
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	291.898.284.388	291.898.284.388	72.830.731.676	72.830.731.676
Dài hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trái phiếu (***)	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	328.898.284.388	328.898.284.388	109.830.731.676	109.830.731.676

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 4,25%/năm đến 8,3%/năm. Trong đó các hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ VND tại Ngân hàng TP Bank - CN Hà Nội được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất là 5,7%/năm.

(***) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
	80.000	100.000	8.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +0,9%/năm	24/09/2020	24/09/2028
	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	200	10.000.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			22.000.000.000			

Trong đó 1200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	388.575.839.769	-	362.557.701.388	-
Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	337.190.000.000	-	265.490.000.000	-
Công ty CP Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	235.490.516.111	-	-	-
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	56.391.923.398	-	135.092.389.134	-
Cộng	1.017.648.279.278	-	763.140.090.522	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)****Biến động trong đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

	Giá trị đầu tư tại ngày 30.06.2023	Đầu tư tăng thêm	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	Lãi mua rẻ ghi nhận tại thời điểm đầu tư	Phân chia lãi lỗ từ các công ty LDLK	Giá trị đầu tư tại ngày 01.01.2023
Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	388.575.839.769	-	-	-	26.018.138.381	362.557.701.388
Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	337.190.000.000	71.700.000.000	-	-	-	265.490.000.000
Công ty CP Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả (**)	235.490.516.111	165.000.000.000	-	58.162.953.066	12.327.563.045	-
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (***)	56.391.923.398	-	(78.380.000.000)	-	(320.465.736)	135.092.389.134
Cộng	1.017.648.279.278	236.700.000.000	(78.380.000.000)	58.162.953.066	38.025.235.690	763.140.090.522

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (****)	154.283.460.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Cộng	158.783.460.000	-	4.500.000.000	-

(*) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(**) Theo nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022 HĐQT thông chủ trương đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả ("Đèo Cả O&M"). Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 2.117.968 cổ phần Đèo Cả O&M theo hợp đồng số 2013/2022/CNCP-DCG và hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 8.882.032 cổ phần Đèo Cả O&M theo hợp đồng số 2012/2022/CNCP-DCG, qua đó Công ty nắm giữ 44,69% tỷ lệ sở hữu Đèo Cả O&M.

(***) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ – ĐHCĐ ngày 31/01/2023, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 424.000.000.000 VND xuống 176.000.000.000 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

(****) Theo nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2022 HĐQT thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Ngày 27 tháng 02 năm 2023, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 15.428.346 cổ phần tương ứng 10% tỷ lệ sở hữu Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo hợp đồng số 01/2023/HĐCNCP/DCG-BMT.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	241.900.351.330	294.094.418.187
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng INDEC	68.616.486.948	45.963.304.247
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	24.914.780.100	32.894.756.100
Ban quản lý dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận tải	12.834.020.786	30.754.667.940
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	9.794.417.000	9.794.417.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	9.074.396.619	10.220.142.239
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	8.827.978.016	25.827.127.779
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Tuy Hòa	4.554.694.347	19.554.694.347
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định	-	22.451.124.000
Đối tượng khác	103.283.577.514	96.634.184.535
Bên liên quan	266.453.777.623	466.312.872.654
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	112.233.649.745	238.644.355.007
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	64.564.647.865	158.344.114.463
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	43.001.504.349	39.925.306.284
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	22.301.650.695	15.119.328.795
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	6.906.900.000	11.779.479.393
Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	16.089.410.785	1.346.999.707
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	746.163.129	205.960.240
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	476.633.550	476.633.550
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	28.606.890	30.459.750
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	9.260.685	9.260.685
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	-	335.624.850
Cộng	508.354.128.953	760.407.290.841

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

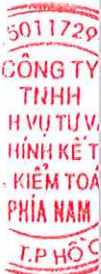
	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	798.319.449.421	408.501.083.777
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	74.987.077.612	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Năng Ban Mai	41.975.293.894	42.321.083.436
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	36.038.902.325	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	32.764.070.143	10.121.033.175
Công ty CP Kỹ Thuật Công Nghiệp Á Châu	31.634.233.363	12.217.732.082
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	28.422.375.000	25.930.883.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiền Vinh	26.225.962.284	12.679.038.198
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	20.693.307.631	26.043.035.078
Công ty TNHH Thương Mại Trung Tín H.B	18.288.838.711	18.288.838.711
Công ty TNHH Vật Liệu Ngoại Thất Nhật Bản	18.244.172.045	18.244.172.045
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	12.237.300.659	51.720.019.837
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	12.149.392.825	12.149.392.825
Công ty Cổ phần Thương Mại - Dịch Vụ Huy Thiên Phú	6.571.272.763	6.571.272.763
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1.619.163.191	1.619.163.191
Công ty Cổ phần Máy và Phụ tùng T&C	-	19.912.570.000
Công ty TNHH Nhạc Sơn	-	16.198.207.218
Đối tượng khác	422.109.057.575	120.125.612.818
Bên liên quan	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Cộng	831.806.840.909	441.988.475.265

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	202.549.501.641	200.877.103.117
Công ty Cổ Phần Xây dựng Công trình Ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban quản lý dự án 85	21.807.969.484	21.807.969.484
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Ban Mai	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty TNHH Minh Phát	11.899.747.000	11.899.747.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	10.356.014.000	10.356.014.000
Đối tượng khác	49.155.732.157	47.483.333.633
Cộng	202.549.501.641	200.877.103.117



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	322.660.000.000	359.453.500.000
Công ty CP Truyền thông Đầu tư Việt	166.485.000.000	185.950.000.000
Đỗ Mạnh Hùng	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Agri-Vina	30.000.000.000	-
Vũ Văn Thành	30.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	15.000.000.000	26.066.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	11.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn Asphalt	-	6.100.000.000
Nguyễn Tiến Nam	-	50.497.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THG Holdings	-	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nihon Vina	-	1.900.000.000
Đối tượng khác	5.175.000.000	3.940.000.000
Bên liên quan	809.361.012.784	952.594.144.366
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc	478.146.164.384	610.927.164.384
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	288.550.000.000	280.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.564.848.400	14.816.979.982
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	-	19.750.000.000
Cộng	1.132.021.012.784	1.312.047.644.366

Đây là các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn có lãi suất từ 6% đến 12%, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000
CN Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z tại TP.HCM (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
Bên liên quan	814.919.079.416	778.909.816.498
Công ty Cổ phần Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	559.426.613.439	528.696.585.101
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả (3)	151.000.000.000	151.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (4)	104.492.465.977	99.213.231.397
Cộng	817.419.079.416	781.409.816.498

- (1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.
- (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10.33%/năm.
- (3) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 8%/năm.
- (4) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHT/BOT TLMT - DCG ngày 01/08/2021 hưởng lãi suất 10.5%/năm.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	635.096.190.079	909.672.485.130
Tạm ứng	222.861.537.196	188.919.975.422
Ký cược, ký quỹ	6.930.851.373	636.150.000
Phải thu khác	405.303.801.510	720.116.359.708
<i>Phạm Đình Thuận</i>	88.054.769.499	85.341.384.746
<i>Nguyễn Văn Tùng</i>	54.810.000.000	54.810.000.000
<i>Đình Văn Chương</i>	48.173.069.209	48.173.069.209
<i>Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh</i>	36.335.000.000	32.435.000.000
<i>Hội đồng bồi thường hỗ trợ Tái định cư các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc</i>	25.862.757.000	26.058.512.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T</i>	-	152.000.000.000
<i>Nguyễn Minh Giang</i>	-	115.625.100.000
<i>Các đối tượng khác</i>	152.068.205.802	205.673.293.753
Bên liên quan	304.005.988.014	136.491.495.719
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	78.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc Võ Thụy Linh	60.117.868.406	32.700.120.373
Hồ Minh Hoàng	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	32.663.865.484	19.831.697.262
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	18.136.547.946	12.146.191.781
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	6.839.007.547	7.292.538.551
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	5.807.558.905	14.172.686.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	61.139.726	61.139.726
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	-	287.121.321
Cộng	939.102.178.093	1.046.163.980.849



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC(tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên khác	72.135.686.655	71.191.661.748
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	25.096.534.444	25.096.534.444
Ký cược, ký quỹ	23.220.957.541	22.276.932.634
Phải thu khác	23.818.194.670	23.818.194.670
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm</i>		
<i>Công Nghiệp huyện Lạng Giang</i>	12.301.719.456	12.301.719.456
<i>Các đối tượng khác</i>	11.516.475.214	11.516.475.214
Bên liên quan	34.255.612.849	34.255.612.849
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	33.952.042.939	33.952.042.939
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	303.569.910
Cộng	106.391.299.504	105.447.274.597

7 NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

	Tại ngày 30.06.2023		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	3.358.273.969	-	3.358.273.969
Cộng	13.428.806.131	-	13.428.806.131

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7 NỢ XẤU (tiếp theo)

	Tại ngày 01.01.2023		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền ché Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	3.358.273.969	-	3.358.273.969
Cộng	13.428.806.131	-	13.428.806.131

8 HÀNG TỒN KHO

	30.06.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	159.666.090.561	-	85.377.688.115	-
Công cụ, dụng cụ	3.067.062.491	-	1.645.995.023	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	978.246.286.377	-	605.060.900.864	-
Thành phẩm	21.723.756.153	-	11.052.606.452	-
Hàng hóa	29.686	-	4.161.256.693	-
Cộng	1.162.703.225.268	-	707.298.447.147	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.149.026.034	7.994.973.975
Các khoản khác	26.624.229.934	27.961.540.368
Cộng	40.773.255.968	35.956.514.343

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Lãi vay chờ phân bổ	5.567.855.415.342	4.773.316.767.716
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.424.848.205	21.316.411.484
Các khoản khác	14.524.772.644	11.372.075.343
Cộng	5.602.805.036.191	4.806.005.254.543



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	29.948.509.914.927	480.874.849.504	213.017.055.699	46.942.580.015	17.050.444.385	30.706.394.844.530
2. Số tăng trong kỳ	(22.698.569.404)	248.123.435.197	18.726.389.090	264.436.364	200.000.000	244.615.691.247
Mua trong kỳ	88.500.000	248.123.435.197	15.155.909.090	264.436.364	200.000.000	263.832.280.651
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(27.768.427.585)	-	3.570.480.000	-	-	(24.197.947.585)
Tặng khác	4.981.358.181	-	-	-	-	4.981.358.181
3. Số giảm trong kỳ	6.006.490.827	116.059.854.376	26.327.319.887	40.063.636	-	148.433.728.726
Thanh lý, nhượng bán	960.000.000	116.059.854.376	26.327.319.887	40.063.636	-	143.387.237.899
Giảm khác	5.046.490.827	-	-	-	-	5.046.490.827
4. Số dư cuối kỳ	29.919.804.854.696	612.938.430.325	205.416.124.902	47.166.952.743	17.250.444.385	30.802.576.807.051
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1.609.480.832.561	106.524.446.218	99.051.704.058	21.040.592.133	8.488.734.895	1.844.586.309.865
2. Khấu hao trong kỳ	146.397.459.555	33.867.151.311	12.669.820.945	2.472.468.681	1.042.099.655	196.449.000.147
Khấu hao trong kỳ	146.397.459.555	33.867.151.311	12.669.820.945	2.472.468.681	1.042.099.655	196.449.000.147
3. Số giảm trong kỳ	2.716.120.606	54.194.160.213	9.673.056.355	4.451.516	-	66.587.788.690
Thanh lý, nhượng bán	80.000.000	54.194.160.213	9.673.056.355	4.451.516	-	63.951.668.084
Giảm khác	2.636.120.606	-	-	-	-	2.636.120.606
4. Số dư cuối kỳ	1.753.162.171.510	86.197.437.316	102.048.468.648	23.508.609.298	9.530.834.550	1.974.447.521.322
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	28.339.029.082.366	374.350.403.286	113.965.351.641	25.901.987.882	8.561.709.490	28.861.808.534.665
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	28.166.642.683.186	526.740.993.009	103.367.656.254	23.658.343.445	7.719.609.835	28.828.129.285.729



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	27.941.310.325.586 VND
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	89.227.167.056 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 3.038.620.880.732 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.374.947.625.414 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.898.117.355.184 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.126.521.395.924 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.761.415.098.541 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.399.445.194.018 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.373.336.011.198 VND.

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng kỳ phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 3.038.620.880.732 VND (nguyên giá này không trích khấu hao)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	108.585.938.609	108.585.938.609
2. Số tăng trong kỳ	18.180.264.589	18.180.264.589
Thuê trong kỳ	18.180.264.589	18.180.264.589
3. Số giảm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	126.766.203.198	126.766.203.198
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	2.127.774.841	2.127.774.841
2. Khấu hao trong kỳ	8.812.993.403	8.812.993.403
Tăng trong kỳ	8.812.993.403	8.812.993.403
3. Số giảm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	10.940.768.244	10.940.768.244
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	106.458.163.768	106.458.163.768
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	115.825.434.954	115.825.434.954



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	618.292.634	5.445.754.422	6.064.047.056
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	618.292.634	5.445.754.422	6.064.047.056
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	77.322.313	2.419.735.361	2.497.057.674
2. Khấu hao trong kỳ	6.440.544	332.980.870	339.421.414
Khấu hao trong kỳ	6.440.544	332.980.870	339.421.414
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	83.762.857	2.752.716.231	2.836.479.088
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	540.970.321	3.026.019.061	3.566.989.382
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	534.529.777	2.693.038.191	3.227.567.968

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

93.749.989 VND

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

1.626.200.000 VND

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	99.490.866.741	97.272.727.273	196.763.594.014
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	99.490.866.741	97.272.727.273	196.763.594.014
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	23.831.298.762	-	23.831.298.762
2. Khấu hao trong kỳ	2.006.200.080	-	2.006.200.080
Khấu hao trong kỳ	2.006.200.080	-	2.006.200.080
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	25.837.498.842	-	25.837.498.842
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	75.659.567.979	97.272.727.273	172.932.295.252
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	73.653.367.899	97.272.727.273	170.926.095.172

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 170.926.095.172 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

14 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	32.541.946.696	13.636.905.417
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	15.934.406.040	19.482.984.480
Mua sắm tài sản cố định	1.562.750.000	893.000.000
Cộng	50.039.102.736	34.012.889.897

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	30.06.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	1.067.325.300.327	1.067.325.300.327	965.963.239.151	965.963.239.151
Công ty Cổ phần Lizen	125.620.568.337	125.620.568.337	127.019.458.362	127.019.458.362
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	41.408.968.035	41.408.968.035	35.789.287.291	35.789.287.291
Công ty TNHH SP4AN	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	30.662.930.667	30.662.930.667	31.362.930.667	31.362.930.667
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	29.856.917.682	29.856.917.682	35.356.917.682	35.356.917.682
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TM Tân Hoàng Long	27.611.308.037	27.611.308.037	21.421.626.980	21.421.626.980
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	21.677.906.883	21.677.906.883	21.677.906.883	21.677.906.883
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	21.243.104.259	21.243.104.259	20.419.651.259	20.419.651.259
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	18.876.182.062	18.876.182.062	22.790.963.309	22.790.963.309
Công ty Cổ phần Tổng công ty Vĩnh Phú	14.800.000.000	14.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần XD và TM và Dịch vụ Thăng Long	2.860.886.669	2.860.886.669	6.720.507.679	6.720.507.679
Đối tượng khác	644.033.726.785	644.033.726.785	554.731.188.128	554.731.188.128
Bên liên quan	126.317.061.368	126.317.061.368	173.364.995.997	173.364.995.997
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	113.056.596.433	113.056.596.433	166.627.695.062	166.627.695.062
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	8.355.041.284	8.355.041.284	4.043.817.284	4.043.817.284
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	2.520.232.000	2.520.232.000	855.492.000	855.492.000
Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	2.385.191.651	2.385.191.651	1.837.991.651	1.837.991.651
Cộng	1.193.642.361.695	1.193.642.361.695	1.139.328.235.148	1.139.328.235.148

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

b) Dài hạn

	30.06.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	377.715.287.705	377.715.287.705	419.561.623.083	419.561.623.083
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xi nghiệp Đại Việt	95.873.463.105	95.873.463.105	97.873.463.105	97.873.463.105
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	50.019.963.726	50.019.963.726	63.324.714.138	63.324.714.138
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	30.187.672.346	30.187.672.346	30.187.672.346	30.187.672.346
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	20.146.941.214	20.146.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	19.783.028.365	19.783.028.365	34.783.028.365	34.783.028.365
Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationallic	13.569.057.653	13.569.057.653	13.569.057.653	13.569.057.653
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	6.066.275.015	6.066.275.015	14.066.275.015	14.066.275.015
Đối tượng khác	124.049.665.566	124.049.665.566	127.091.250.532	127.091.250.532
Cộng	377.715.287.705	377.715.287.705	419.561.623.083	419.561.623.083



138/92/P/1

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	29.964.294.342	10.819.071.597
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Ngầm	-	1.495.821.371
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tư vấn Lộc Phát Lộc	-	264.017.500
Đối tượng khác	27.489.288.417	6.584.226.801
Bên liên quan	52.953.178.833	31.181.836.853
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	48.811.668.942	29.929.090.776
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	3.617.454.991	728.691.177
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Cộng	82.917.473.175	42.000.908.450

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	1.950.401.320.698	421.134.001.799
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	1.529.519.818.896	-
Ban quản lý dự án 7 - Bộ giao thông Vận tải	165.002.748.000	-
BQL Dự án Giao thông tỉnh Bình Định	118.209.923.000	140.423.923.000
Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Indec	70.049.355.328	79.757.862.200
BQL các Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	45.558.017.000
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Cao Bằng	14.368.263.000	14.572.709.000
Ban quản lý dự án 6 - Bộ giao thông Vận tải	11.227.118.474	50.363.121.599
BQL các Dự án Đầu tư các CTDD & CN tỉnh Quảng Ninh	-	90.458.369.000
Bên liên quan	509.028.746.772	645.223.760.013
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	452.136.123.352	604.177.515.132
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	38.677.327.449	-
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	18.215.295.971	41.046.244.881
Cộng	2.459.430.067.470	1.066.357.761.812

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Tại ngày 30.06.2023	
	Tại ngày 01.01.2023	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.651.074.708		57.171.627.146	98.664.481.328	57.158.220.526	
Thuế thu nhập cá nhân	1.496.468.485		12.244.301.531	12.782.195.604	958.574.412	
Thuế giá trị gia tăng	6.115.847.109		31.656.989.157	33.089.650.431	4.683.185.835	
Thuế tài nguyên	-		1.388.988.668	1.388.988.668	-	
Thuế khác	-		1.567.564.893	660.513.788	907.051.105	
Cộng	106.263.390.302		104.029.471.395	146.585.829.819	63.707.031.878	

b) Phải thu	Số phải thu trong kỳ		Số đã thu trong kỳ		Tại ngày 30.06.2023	
	Tại ngày 01.01.2023	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.786.247.220		5.887.723.665	857.510.074	19.816.460.811	
Thuế khác	-		3.000.000	3.000.000	-	
Cộng	14.786.247.220		5.890.723.665	860.510.074	19.816.460.811	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả	628.889.868.349	572.460.000.000
Chi phí trung tu, đại tu công trình	165.052.109.170	127.566.665.648
Trích trước chi phí xây lắp	78.677.216.137	50.002.412.980
Trích trước lãi vay	1.650.894.327	2.459.768.786
Các khoản khác	350.587.949.932	412.126.306.524
Cộng	1.224.858.037.915	1.164.615.153.938

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.463.793.774.164	2.965.790.122.589
Trích trước lãi vay	28.873.869.798	34.911.184.444
Cộng	3.492.667.643.962	3.000.701.307.033

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	12.462.998.954	2.479.172.849
Cộng	12.462.998.954	2.479.172.849

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	45.719.848.427	39.811.707.723
Cộng	45.719.848.427	39.811.707.723

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên khác	616.666.454.070	1.046.797.082.961
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	350.004.908.402	362.257.002.532
Các khoản khác	266.661.545.668	684.540.080.429
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group</i>	49.967.800.000	49.967.800.000
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh</i>	40.941.000.000	40.941.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</i>	35.000.000.000	35.000.000.000
<i>Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh</i>	28.000.000.000	28.000.000.000
<i>Nhận cọc mua Cổ phiếu</i>	-	405.230.433.274
<i>Đối tượng khác</i>	112.752.745.668	125.400.847.155
Bên liên quan	66.716.078.609	86.066.429.064
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả</i>	65.626.091.401	65.626.091.401
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành</i>	719.987.208	1.419.987.208
<i>Nguyễn Quốc Ánh</i>	320.000.000	320.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa</i>	50.000.000	50.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc</i>	-	18.650.350.455
Cộng	683.382.532.679	1.132.863.512.025

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.446.000.000	30.446.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.115.490.052	53.450.748.994
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	32.449.235.354	37.449.235.354
Phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	10.584.963.184	10.920.222.126
Đối tượng khác	10.081.291.514	5.081.291.514
Cộng	83.561.490.052	83.896.748.994

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	Tại ngày 30.06.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Bên khác	1.563.548.300.613	450.979.323.546	468.942.419.102	563.743.207.645	1.207.369.765.610	
NH Công thương VN - CN Hà Nội	839.090.000.000	361.500.000.000	-	145.400.000.000	622.990.000.000	
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	357.018.969.631	53.473.366.507	240.296.930.889	215.816.885.937	279.065.558.172	
NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	170.597.003.945	-	84.162.284.842	52.273.133.268	138.707.852.371	
NH Công Thương VN - CN Đà Nẵng	127.597.506.438	-	144.483.203.371	129.206.097.984	112.320.401.051	
NH Việt Á - CN Hà Nội	26.159.000.000	15.420.000.000	-	10.680.000.000	21.419.000.000	
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	18.797.790.320	12.531.860.216	-	6.265.930.104	12.531.860.208	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	11.663.545.233	7.775.696.823	-	3.887.848.410	7.775.696.820	
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	9.440.111.491	-	-	-	9.440.111.491	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	417.600.000	278.400.000	-	139.200.000	278.400.000	
Đối tượng khác	2.766.773.555	-	-	74.111.942	2.840.885.497	
Bên liên quan	26.400.000.000	-	26.400.000.000	-	-	
Công Ty CP.Đầu Tư Phát Triển Khu Đô Thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	-	26.400.000.000	-	-	
Cộng	1.589.948.300.613	450.979.323.546	495.342.419.102	563.743.207.645	1.207.369.765.610	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	5.400.000.000.000	10 – 12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và quyền sử dụng đất
NH Sacombank - CN Phú Yên	35.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Tín chấp
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	10.000.000.000	11 tháng	9%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
NH Công Thương VN - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Cà vẹt xe ô tô, giấy CNQSD căn hộ tại chung cư Đà Nẵng Plaza
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	1.500.000.000.000	9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Khu Đô Thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	3 tháng	9.7%/năm	Vốn Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Tại ngày 30.06.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Bên khác	19.724.780.771.644	55.147.127.411	6.878.339.439	450.979.323.546	20.127.491.307.218	
NH Công thương VN - CN Hà Nội	18.351.102.822.777	-	-	361.500.000.000	18.712.602.822.777	
NH Việt Á - CN Hà Nội	924.756.132.333	-	-	15.420.000.000	940.176.132.333	
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	120.649.052.378	24.760.500.000	3.754.472.308	53.473.366.507	153.116.391.193	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	37.470.900.220	12.497.000.000	293.484.746	12.531.860.216	37.799.245.182	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)	33.035.000.000	-	-	-	33.035.000.000	
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)	30.465.000.000	-	-	-	30.465.000.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	25.209.027.577	12.925.991.049	2.620.382.385	7.775.696.823	22.679.115.736	
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.990.000.000	4.200.000.000	210.000.000	-	-	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	139.200.000	-	-	278.400.000	417.600.000	
Trái phiếu (3)	197.963.636.359	763.636.362	-	-	197.199.999.997	
Mệnh giá phát hành	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(2.036.363.641)	763.636.362	-	-	(2.800.000.003)	
Bên liên quan	-	-	44.000.000.000	-	44.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	44.000.000.000	-	44.000.000.000	
Cộng	19.724.780.771.644	55.147.127.411	50.878.339.439	450.979.323.546	20.171.491.307.218	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)****Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Tiên Phong	308.691.271.430	36 - 72 tháng	8 - 13,15%	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	12% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Tín chấp
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Challease	31.102.787.291	48 tháng	10.97%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	65.236.320.000	60 tháng	8%/năm	Ký cược
Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội	22.841.000.000.000	180 - 312 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
Ngân hàng VietABank - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.200.000.000	36 tháng	8.9%/năm	Ký cược

- (1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long
(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà
(3) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Trái phiếu thường	01.01.2023		30.06.2023	
	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
	40.800.000.000	11,5%/năm	3 năm	11,5%/năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đảo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 22.937.534 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cã, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

22 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LOẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	145.870.028.864	124.871.578.932
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	145.870.028.864	124.871.578.932

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	153.933.423.835	155.134.453.811
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	153.933.423.835	155.134.453.811

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2022	3.235.055.890.000	(208.000.000)	-	31.735.254.370	-	65.492.023.544	3.272.808.312.802	4.206.100.819.507	10.810.984.300.223
Tăng vốn trong kỳ	971.461.260.000	-	-	-	-	-	-	-	971.461.260.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	118.601.763.534	-	-	118.601.763.534
Trích quỹ khác	-	-	-	-	4.210.358.842	(4.210.358.842)	-	-	-
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	520.077.407	-	(520.077.407)	-	-	-
Trả thù lao	-	-	-	-	-	(215.759.200)	-	-	-
Thanh lý khoản đầu tư/thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất quyền KS	-	-	-	-	-	757.035.107	-	(757.035.107)	-
Tại ngày 30.06.2022	4.206.517.150.000	(208.000.000)	-	32.255.331.777	4.210.358.842	179.904.626.736	3.272.808.312.802	4.343.965.298.757	12.039.453.078.914
Tại ngày 01.01.2023	4.206.517.150.000	(537.900.000)	-	32.255.331.777	4.210.358.842	268.208.723.457	3.272.808.312.802	4.209.850.278.495	11.993.312.255.373
Vốn tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	587.174.896.371	587.174.896.371
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	155.397.533.398	-	-	155.397.533.398
Trích quỹ ĐTPT (1)	-	-	-	1.242.150.369	-	(1.242.150.369)	-	-	-
Trả thù lao (2)	-	-	-	-	-	(203.106.600)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3)	-	-	-	-	-	(1.954.927.944)	-	(3.952.751.733)	(5.907.679.677)
Thay đổi từ tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	412.080.031.078	-	(371.385.812.817)	40.743.806.099
Chia cổ tức (4)	-	-	45.871.223.229	49.587.838	-	(256.197.080.729)	-	(169.587.786.771)	(379.913.644.271)
Tại ngày 30.06.2023	4.206.517.150.000	(537.900.000)	45.871.223.229	33.547.069.984	4.210.358.842	576.089.022.291	3.272.808.312.802	4.402.867.136.732	12.541.372.373.880



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: (tiếp theo)

- (1) Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.673.972.699 VND. Đồng thời theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 885.761.581 VND.
- (2) Theo nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn đã thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- (3) Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 5.021.918.096 VND. Đồng thời theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 885.761.581 VND.
- (4) Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu. Đồng thời theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 bằng tiền, với số tiền là 210.325.857.500 VND.

23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.658.241.920.000	39,42%	1.658.241.920.000	39,42%
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	257.472.570.000	6,12%
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Đối tượng khác	1.347.272.830.000	32,03%	1.347.272.830.000	32,03%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	4.206.517.150.000	100,00%

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023	30.06.2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	379.913.644.271	-

23.4 Cổ phiếu

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	420.651.715	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại:

	30.06.2023	01.01.2023
Dollar Mỹ (USD)	200,08	200,08

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu các trạm thu phí BOT	792.115.321.867	728.864.177.026
Doanh thu hợp đồng xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	1.010.747.926.835	1.174.282.822.100
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	10.715.829.771	13.879.406.910
Doanh thu bán hàng hóa	10.009.782.951	8.185.231.420
Doanh thu bán thành phẩm	40.409.720.080	23.577.780.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.942.540.802	15.559.805.633
Doanh thu khác	7.627.622.086	5.986.180.664
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	1.919.568.744.392	1.970.335.404.137

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	727.909.466.708	844.607.602.188
Doanh thu hợp đồng xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	727.694.079.438	844.262.484.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	215.387.270	345.117.358

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	303.695.483.623	267.898.362.626
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	882.298.082.279	1.000.990.839.771
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	4.081.963.237	4.529.632.845
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.058.629.921	9.165.277.155
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.296.388.878	32.510.153.042
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.719.643.520	15.074.271.926
Giá vốn khác	2.425.295.075	3.255.242.521
Cộng	1.273.575.486.533	1.333.423.779.886

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.487.956.470	97.786.071.934
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	1.230.342.308
Cộng	131.487.956.470	99.016.414.242

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí Lãi vay	360.800.135.954	328.181.466.648
Lỗ từ hợp đồng đặt cọc chứng khoán	51.107.185.618	-
Chi phí phát hành trái phiếu	763.636.362	636.363.635
Chi phí tài chính khác	-	97.965.412
Cộng	412.670.957.934	328.915.795.695

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.036.141.705	748.581.543
Chi phí nhân viên	47.010.699.777	41.653.114.916
Chi phí khấu hao	3.008.839.001	3.143.529.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.437.875.764	42.424.601.626
Các chi phí khác	17.299.778.651	32.243.566.354
Cộng	120.793.334.898	120.213.393.557

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 THU NHẬP KHÁC

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lãi mua rẻ công ty liên kết	58.162.953.066	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.275.012.212	-
Các khoản khác	4.527.600.797	4.368.212.390
Cộng	63.965.566.075	4.368.212.390

7 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	1.406.114.063	-
Các khoản khác	2.762.504.428	549.658.167
Cộng	4.168.618.491	549.658.167

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	889.448.171.983	883.346.418.832
Chi phí nhân viên	313.691.249.308	262.754.839.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	214.470.771.528	165.484.913.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.399.318.338	218.739.495.399
Chi phí khác bằng tiền	169.381.439.289	85.160.578.676
Cộng	2.198.390.950.446	1.615.486.245.214

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	57.171.627.146	48.939.161.708
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	57.171.627.146	48.939.161.708

10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

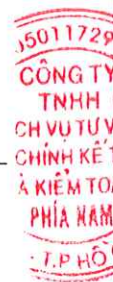
	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(22.249.262.360)	3.494.710.932
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(22.249.262.360)	3.494.710.932

11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	155.397.533.398	118.601.763.534
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	420.651.715	376.726.520
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	369	315

12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	155.397.533.398	118.601.763.534
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	408.052.063	408.052.063
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	420.651.715	376.726.520
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	188	151



VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Theo nghị quyết số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 8.287.037.780.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, số lượng cổ phiếu dự kiến còn lại phải phát hành thêm là 408.052.063 cổ phiếu.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có

2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	550.207.446.511	576.195.006.929

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	614.339.447.082	615.506.895.117

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023: Không phát sinh

3 Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Tập đoàn, Tập đoàn được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	23.577.780.384	23.745.037.053	1.174.282.822.100	13.879.406.910	728.864.177.026	5.986.180.664	1.970.335.404.137
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	23.577.780.384	23.745.037.053	1.174.282.822.100	13.879.406.910	728.864.177.026	5.986.180.664	1.970.335.404.137
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.932.372.658)	(494.512.028)	173.291.982.329	9.349.774.065	460.965.814.400	2.730.938.143	636.911.624.251
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(120.213.393.557)
LN từ hoạt động KD							516.698.230.694
Doanh thu hoạt động tài chính							99.016.414.242
Chi phí tài chính							(328.915.795.695)
Thu nhập khác							4.368.212.390
Chi phí khác							(549.658.167)
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết							19.776.987.867
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(48.939.161.708)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							(3.494.710.932)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							257.960.518.691
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác							(249.855.001.341)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại							(165.484.913.258)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023					Tổng cộng VND
	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	40.409.720.080	57.952.323.753	1.010.747.926.835	10.715.829.771	792.115.321.867	1.919.568.744.392
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	40.409.720.080	57.952.323.753	1.010.747.926.835	10.715.829.771	792.115.321.867	1.919.568.744.392
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.113.331.202	7.174.050.312	128.449.844.556	6.633.866.534	488.419.838.244	645.993.257.859
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(120.793.334.898)
LN từ hoạt động KD						525.199.922.961
Doanh thu hoạt động tài chính						131.487.956.470
Chi phí tài chính						(412.670.957.934)
Thu nhập khác						63.965.566.075
Chi phí khác						(4.168.618.491)
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết						38.025.235.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(57.171.627.146)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						22.249.262.360
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						306.916.739.985
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác						(301.098.037.113)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại						(214.470.771.528)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tại ngày 01.01.2023

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	102.986.232.850	62.920.686.084	4.005.894.085.095	172.932.295.252	33.657.835.517.377	399.279.658.288	38.401.848.474.946
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.378.873.550.569
Tổng tài sản	102.986.232.850	62.920.686.084	4.005.894.085.095	172.932.295.252	33.657.835.517.377	399.279.658.288	41.780.722.025.515
Nợ phải trả bộ phận	78.524.200.406	34.601.887.479	2.671.931.497.792	-	25.867.270.542.788	12.609.096.832	28.664.937.225.297
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.122.472.544.845
Tổng nợ phải trả	78.524.200.406	34.601.887.479	2.671.931.497.792	-	25.867.270.542.788	12.609.096.832	29.787.409.770.142



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tại ngày 30.06.2023

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	314.883.845.821	64.897.840.296	4.797.870.936.389	170.926.095.172	34.161.589.215.941	184.560.724.714	39.694.728.658.333
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	4.083.316.579.738
Tổng tài sản	314.883.845.821	64.897.840.296	4.797.870.936.389	170.926.095.172	34.161.589.215.941	184.560.724.714	43.778.045.238.070
Nợ phải trả bộ phận	138.200.854.168	28.980.999.244	4.480.159.960.635	-	24.973.614.102.469	17.891.498.262	29.638.847.414.778
Nợ phải trả không phân bộ	-	-	-	-	-	-	1.597.825.449.413
Tổng nợ phải trả	138.200.854.168	28.980.999.244	4.480.159.960.635	-	24.973.614.102.469	17.891.498.262	31.236.672.864.190

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo theo Khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là trong nước, do đó Tập đoàn lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022			
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	247.506.049.644	1.217.240.146.491	505.589.208.002	1.970.335.404.137
Tài sản bộ phận	13.455.796.671.562	27.700.355.402.418	624.569.951.535	41.780.722.025.515
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(579.399.967.219)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023			
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	339.749.778.650	1.687.206.995.649	(107.388.029.907)	1.919.568.744.392
Tài sản bộ phận	14.444.914.165.429	29.787.269.841.695	(454.138.769.054)	43.778.045.238.070
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(301.098.037.113)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị số sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023		30.06.2023	01.01.2023
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.475.541.809.566	-	1.227.308.649.543	-	1.475.541.809.566	1.227.308.649.543
Phải thu khách hàng	508.354.128.953	(11.254.151.882)	760.407.290.841	(11.254.151.882)	508.354.128.953	749.153.138.959
Trả trước cho người bán	1.034.356.342.550	(1.301.620.413)	642.865.578.382	(1.301.620.413)	1.034.356.342.550	641.563.957.969
Phải thu về cho vay	1.949.440.092.200	-	2.093.457.460.864	-	1.949.440.092.200	2.093.457.460.864
Các khoản phải thu khác	1.045.493.477.597	(873.033.836)	1.151.611.255.446	(873.033.836)	1.045.493.477.597	1.150.738.221.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	291.898.284.388	-	72.830.731.676	-	291.898.284.388	72.830.731.676
Đầu tư tài chính dài hạn	1.213.431.739.278	-	804.640.090.522	-	1.213.431.739.278	804.640.090.522
Cộng	7.518.515.874.532	(13.428.806.131)	6.753.121.057.274	(13.428.806.131)	7.518.515.874.532	6.739.692.251.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách					
	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	30.06.2023	01.01.2023
Phải trả cho người bán	1.571.357.649.400	-	1.558.889.858.231	-	1.571.357.649.400	1.558.889.858.231
Người mua trả tiền trước	2.542.347.540.645	-	1.108.358.670.262	-	2.542.347.540.645	1.108.358.670.262
Vay và nợ	21.314.729.072.257	-	21.378.861.072.828	-	21.314.729.072.257	21.378.861.072.828
Phải trả người lao động	38.312.787.526	-	51.345.555.163	-	38.312.787.526	51.345.555.163
Các khoản phải trả khác	825.126.870.112	-	1.259.051.141.591	-	825.126.870.112	1.216.760.261.019
Cộng	26.291.873.919.940	-	25.356.506.298.075	-	26.291.873.919.940	25.314.215.417.503

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
13/3/2023

011729-C
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30.06.2023	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	1.193.642.361.695	377.715.287.705	-	1.571.357.649.400
Người mua trả tiền trước	82.917.473.175	2.459.430.067.470	-	2.542.347.540.645
Vay và nợ	1.589.948.300.613	10.738.971.609.193	8.985.809.162.451	21.314.729.072.257
Chi phí phải trả	1.224.858.037.915	3.492.667.643.962	-	4.717.525.681.877
Các khoản phải trả phải nộp khác	797.865.351.037	123.781.338.479	5.500.000.000	927.146.689.516
Cộng	4.889.231.524.435	17.192.565.946.809	8.991.309.162.451	31.073.106.633.695

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Tập đoàn là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Tập đoàn đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Tập đoàn:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Tập đoàn thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở giả định Tập đoàn sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán này.

TP.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Sơn

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch Hồ Minh Hoàng Võ Thụy Linh Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Cổ đông lớn Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Bên liên quan của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển thương mại Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh (đến ngày 18/03/2023)
Công ty CP Đầu tư phát triển khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023	30.06.2022
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.146.666.667	1.170.000.000
1. Hội đồng quản trị	996.666.667	1.020.000.000
Hồ Minh Hoàng Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Võ Thụy Linh Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Tấn Đông Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phan Văn Thắng Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phùng Tiến Thành Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quốc Ánh Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Hữu Hùng Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Văn Hải Thành viên	85.000.000	120.000.000
	(đến ngày 20/06/2023)	
Lê Quỳnh Mai Phó Chủ tịch	6.666.667	-
	(từ ngày 20/06/2023)	
Ngô Văn Quý Thành viên độc lập	5.000.000	-
	(từ ngày 20/06/2023)	
2. Ban Kiểm soát	150.000.000	150.000.000
Lê Việt Anh Trưởng Ban	-	75.000.000
	(đến ngày 01/06/2022)	
Tôn Quang Hùng Trưởng Ban	90.000.000	15.000.000
Nguyễn Thanh Duy Thành viên	-	30.000.000
	(đến ngày 21/12/2022)	
Phan Thị Bảo Trâm Thành viên	-	30.000.000
	(đến ngày 21/12/2022)	
Nguyễn Chí Trung Thành viên	30.000.000	-
Phạm Văn Hùng Thành viên	30.000.000	-

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		2.542.736.629	2.978.723.981
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	103.100.000	423.137.005
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	283.659.091	337.591.550
Khuông Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	123.500.000	-
Ngọ Trường Nam	Tổng Giám đốc	219.300.000	212.181.818
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	164.000.000	318.188.833
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	357.932.494	353.067.759
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	137.926.397
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	243.220.455
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	166.464.781
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	358.300.000	351.897.371
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	275.734.783	7.954.545
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	322.300.000	149.562.761
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/04/2023)	100.740.261	-
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	98.000.000	277.530.706
An Văn Thiện	Kế toán trưởng (từ ngày 01/03/2023)	136.170.000	-
Tiền lương Ban kiểm soát		578.600.000	409.949.494
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	282.100.000	278.788.280
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	131.161.214
Nguyễn Chí Trung	Thành viên	242.500.000	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên	54.000.000	-
Cộng		4.268.003.296	4.558.673.475

011729-C
CÔNG TY
TNHH
HỮU TƯ VẤN
KẾ TOÁN
PHÍA NAM
T.P. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Hoàn ứng Nhận cổ tức	- - 82.912.096.000	367.506.640.000 20.365.343.259 -
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Nhận cổ tức Góp vốn chủ sở hữu	12.873.628.500 -	58.560.000.000 170.348.520.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 98.866.500	10.000.000.000 -
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 12.496.500	72.200.000 -
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch HĐQT	Nhận cổ tức	42.549.000	-
Ngô Văn Quý	Thành viên HĐQT độc lập (từ ngày 20/06/2023)	Nhận cổ tức	280.000.000	-
Khương Văn Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	Nhận cổ tức	10.875.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Các giao dịch khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	Hoàn ứng	-	100.000.000
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	Nhận cổ tức	19.995.000	-
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	Nhận cổ tức	18.886.500	-
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	-	754.230.000
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	Góp vốn chủ sở hữu	187.711.500	-
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	-	168.050.000
			206.437.500	862.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 22.359.000	490.190.000 -
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 38.600.000	254.700.000 -
Nguyễn Chí Trung	Thành viên Ban kiểm soát	Nhận cổ tức	15.546.500	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	Nhận cổ tức	11.285.975.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2 Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	9.843.605.191	9.879.286.206
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Thu lợi tiền góp vốn	78.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Trả tiền góp vốn Lãi vay Thu tiền cho vay Lãi cho vay	4.301.100.000 700.000.000 - -	- - 700.000.000 7.287.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Lãi vay Cho vay Thu tiền cho vay Trả tiền vay	64.416.355 - 27.417.748.033 - - 131.008.000.000 -	64.419.172 10.622.915 17.161.383.561 3.301.260.274 740.500.000.000 9.000.000.000 30.000.000.000

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Ký quỹ ký cược Cho vay Lãi cho vay	32.954.738.124 154.283.460.000 - - 6.027.102.998	486.934.964.752 - 25.305.290.820 20.950.000.000 4.432.531.267
Công ty Cổ phần Quân lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Góp vốn Thanh lý công cụ dụng cụ	1.072.951.629 29.093.421.678 5.990.356.165 165.000.000.000 147.371.354	65.480.163 - 5.990.356.164 - -
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Lãi vay Thu tiền cho vay Nhận cổ tức Trả tiền vay Nhận tiền góp vốn Trả tiền góp vốn	131.412.000 500.606.061 - - - 36.292.176.500 - - 4.301.100.000	262.824.000 165.656.565 6.591.796.164 58.507.600 367.500.000.000 - 50.000.000.000 138.000.000.000 -



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	598.722.901.280	228.749.995.830
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	3.300.000
		Lãi cho vay	27.775.784.779	13.183.712.376
		Cho vay	2.954.243.559	198.184.074.924
		Thu tiền cho vay	-	22.994.631.431
		Góp vốn	71.700.000.000	7.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	83.970.792.623	118.632.757.879
		Mua hàng hóa, dịch vụ	53.720.729.817	222.186.019.319
		Thu tiền cho vay	-	14.000.000.000
		Lãi cho vay	-	453.531.004
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.951.429
		Lãi vay	-	505.808.219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-	4.472.427
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.297.200.000	1.275.993.000
		Lãi cho vay	12.843.284.660	8.101.560.272
		Cho vay	8.550.000.000	360.000.000.000
		Thu tiền cho vay	-	340.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

II	GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
2	Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)			
	Bên liên quan	Mối quan hệ		
	Công ty TNHH Đèo Cà Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Nhận cổ tức	-
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	1.360.150.685
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh (đến ngày 18/03/2023)	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-
	Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Mua hàng hóa, dịch vụ	-
			Lãi cho vay	-
			Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	1.146.498.630
			Nhận gốc vay	10.450.330
			Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-
			Nhận gốc vay	-
				19.558.915
				26.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ xây lắp	112.233.649.745	238.644.355.007
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	64.564.647.865	158.344.114.463
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	43.001.504.349	39.925.306.284
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	22.301.650.695	15.119.328.795
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ khác	6.906.900.000	11.779.479.393
Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Dịch vụ khác	16.089.410.785	1.346.999.707
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ khác	746.163.129	205.960.240
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ khác	476.633.550	476.633.550
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Dịch vụ khác	28.606.890	30.459.750
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ khác	9.260.685	9.260.685
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Dịch vụ khác	-	335.624.850
Cộng			266.453.777.623	466.312.872.654

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ khác	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	-	-
Cộng			33.487.391.488	33.487.391.488
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Cho vay ngắn hạn	478.146.164.384	610.927.164.384
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cho vay ngắn hạn	288.550.000.000	280.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	15.564.848.400	14.816.979.982
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cho vay ngắn hạn	-	19.750.000.000
Cộng	(đến ngày 18/03/2023)		809.361.012.784	952.594.144.366

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
d) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao Túc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Cho vay dài hạn	559.426.613.439	528.696.585.101
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Cho vay dài hạn	151.000.000.000	151.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay dài hạn	104.492.465.977	99.213.231.397
Cộng			814.919.079.416	778.909.816.498
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Thu hồi góp vốn	78.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Lãi cho vay	60.117.868.406	32.700.120.373
Vố Thủy Linh	Cô đồng lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Khác	52.000.000.000	-
Hồ Minh Hoàng	Cô đồng lớn, Chủ tịch HĐQT	Khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Lãi cho vay	32.663.865.484	19.831.697.262
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Công ty liên doanh, liên kết	Lãi cho vay	18.136.547.946	12.146.191.781
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh	Khác	6.839.007.547	7.292.538.551
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	5.807.558.905	14.172.686.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Lãi cho vay	61.139.726	61.139.726
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Lãi cho vay	-	287.121.321
Cộng			304.005.988.014	136.491.495.719



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
f) Các khoản phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Tạm ứng cổ tức	33.952.042.939	33.952.042.939
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	303.569.910
Cộng			34.255.612.849	34.255.612.849
g) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	113.056.596.433	166.627.695.062
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	8.355.041.284	4.043.817.284
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.520.232.000	855.492.000
Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.385.191.651	1.837.991.651
Cộng			126.317.061.368	173.364.995.997

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
h) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	48.811.668.942	29.929.090.776
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	3.617.454.991	728.691.177
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Cộng			52.953.178.833	31.181.836.853
i) Người mua ứng tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	452.136.123.352	604.177.515.132
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ xây lắp	38.677.327.449	-
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	18.215.295.971	41.046.244.881
Cộng			509.028.746.772	645.223.760.013

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
j) Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Lãi vay	65.626.091.401	65.626.091.401
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Lãi vay	719.987.208	1.419.987.208
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Phó chủ tịch HĐQT	Cổ tức	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty liên doanh, liên kết	Ký quỹ	50.000.000	50.000.000
	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Lãi vay	-	18.650.350.455
Cộng			66.716.078.609	86.066.429.064
k) Vay ngắn hạn				
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Khu Đô Thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Vay ngắn hạn	26.400.000.000	-
Cộng			26.400.000.000	-
l) Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Vay dài hạn	-	44.000.000.000
Cộng			-	44.000.000.000

